

BỘ TƯ PHÁP - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ TƯ PHÁP - BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2012/TTLT-BTP-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay,
thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải.

Bộ Tư pháp và Bộ Giao thông vận tải thống nhất hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển như sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay tại Cục Hàng không Việt Nam và đăng ký, cung cấp thông tin về thế chấp tàu biển tại cơ quan đăng ký tàu biển khu vực.

Điều 2. Các trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

Các trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay và đăng ký thế chấp tàu biển được thực hiện theo quy định tại Thông tư này gồm:

1. Cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay; thế chấp tàu biển;
2. Thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển đã đăng ký;

3. Sửa chữa sai sót về đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển;
4. Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay, tàu biển trong trường hợp đã đăng ký cầm cố, thế chấp;
5. Xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

Điều 3. Tàu bay, tàu biển được đăng ký cầm cố, thế chấp

1. Tàu bay.
2. Tàu biển Việt Nam bao gồm:
 - a) Tàu biển đăng ký không thời hạn;
 - b) Tàu biển đăng ký có thời hạn;
 - c) Tàu biển đang đóng;
 - d) Tàu biển đăng ký tạm thời.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

1. Người yêu cầu đăng ký, người yêu cầu cung cấp thông tin kê khai hồ sơ đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin.

2. Việc cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được đăng ký trên cơ sở nội dung kê khai của người yêu cầu đăng ký trong đơn yêu cầu đăng ký, các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký và phù hợp với thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong hoạt động đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

1. Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 83/2010/NĐ-CP).

2. Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực có trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm nội dung đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển phù hợp với thông tin trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực;

b) Cung cấp chính xác thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được lưu trữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

3. Trách nhiệm thực hiện báo cáo 06 tháng, hàng năm về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

a) Cục Hàng không Việt Nam, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

b) Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm gửi Báo cáo về công tác đăng ký, cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển đến Bộ Tư pháp (đầu mối là Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm) để tổng hợp, báo cáo Chính phủ chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

4. Kỳ báo cáo được xác định như sau:

a) Đối với báo cáo 06 tháng, thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau;

b) Đối với báo cáo hàng năm, thời điểm lấy số liệu tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

Điều 6. Người yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin

1. Người yêu cầu đăng ký là một trong các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hoặc người được một trong các chủ thể này ủy quyền.

2. Trong trường hợp thay đổi một trong các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp thì bên bảo đảm mới, bên nhận bảo đảm mới cũng có thể là người yêu cầu đăng ký thay đổi.

3. Cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

Điều 7. kê khai thông tin về các bên trong Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố, thế chấp

1. Thông tin về các bên được kê khai như sau:

a) Chứng minh nhân dân đối với công dân Việt Nam;

b) Hộ chiếu đối với người nước ngoài;

c) Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam;

d) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy phép đầu tư đối với tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc nhà đầu tư nước ngoài.

2. Đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài thì kê khai tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp tên được đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh thì kê khai tên giao dịch bằng tiếng Anh.

Điều 8. Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển và thời hạn có hiệu lực của đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển

1. Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định như sau:

a) Thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển là thời điểm thông tin về cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

b) Trong trường hợp đăng ký thay đổi do bổ sung tài sản bảo đảm là tàu bay, tàu biển thì thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định là thời điểm nội dung đơn yêu cầu đăng ký thay đổi đó được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

c) Trong trường hợp đăng ký thay đổi các nội dung khác đã đăng ký, yêu cầu sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký thì thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được xác định là thời điểm đăng ký ban đầu.

2. Thời điểm cơ quan đăng ký tiếp nhận hồ sơ yêu cầu đăng ký là căn cứ để xác định thứ tự ghi thông tin vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam hoặc Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực.

3. Thời hạn có hiệu lực của đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được tính từ thời điểm đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển được ghi vào Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam, Sổ Đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam tại khu vực đến thời điểm xóa đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, thế chấp tàu biển.

Điều 9. Tài liệu trong hồ sơ yêu cầu đăng ký

1. Trong hồ sơ yêu cầu đăng ký, nếu có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

2. Đơn yêu cầu đăng ký phải có chữ ký, con dấu (nếu có) của tổ chức, cá nhân là người yêu cầu đăng ký.

3. Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố, thế chấp phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các bên ký kết hợp đồng cầm cố, hợp đồng thế chấp hoặc người được ủy quyền.

Trong trường hợp Đơn yêu cầu xóa đăng ký cầm cố, thế chấp chỉ có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên thế chấp, bên cầm cố thì phải có văn bản đồng ý xóa đăng ký của bên nhận thế chấp, bên nhận cầm cố hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm đã chấm dứt.

4. Đơn yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký của Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản trong trường hợp Tổ trưởng Tổ quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản là người yêu cầu đăng ký.

Điều 10. Phương thức và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký cầm cố, thế chấp

Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở của Cục Hàng không Việt Nam trong trường hợp đăng ký cầm cố tàu bay, thế chấp tàu bay, Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực nơi tàu biển đó đăng ký trong trường hợp đăng ký thế chấp tàu biển.

Chương II **HỒ SƠ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CẦM CỐ TÀU BAY,** **THẺ CHẤP TÀU BAY**

Điều 11. Hồ sơ đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay

1. Đơn yêu cầu đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này *(01 bản chính)*;
2. Hợp đồng cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay *(01 bản chính)*;
3. Văn bản ủy quyền trong trường hợp người yêu cầu đăng ký là người được ủy quyền *(01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)*.

Điều 12. Thủ tục đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay

1. Người yêu cầu đăng ký nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đến địa điểm và theo phương thức quy định tại Điều 10 Thông tư này.
2. Trong thời hạn giải quyết hồ sơ quy định tại Điều 18 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP, người thực hiện đăng ký thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Kiểm tra, xác minh các thông tin trong hồ sơ với các thông tin được lưu giữ trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam;
 - b) Ghi thời điểm đăng ký *(giờ, phút, ngày, tháng, năm)*, ghi nội dung đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo hướng dẫn trong Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam.
 - c) Ghi thời điểm đăng ký *(giờ, phút, ngày, tháng, năm)* vào điểm 11, ghi tên bên cầm cố, bên thẻ chấp vào điểm 7, tên bên nhận cầm cố, bên nhận thẻ chấp vào điểm 8 Mục I Phụ lục II của Sổ Đăng bạ tàu bay Việt Nam.
 - d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này cho người yêu cầu đăng ký hoặc gửi qua đường bưu điện cho người yêu cầu đăng ký sau khi có biên lai chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu đăng ký thuộc một trong các trường hợp từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì Cục Hàng không Việt Nam từ chối đăng ký bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối), trả hồ sơ đăng ký và hướng dẫn người yêu cầu đăng ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 13. Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký

Khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 12 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP thì người yêu cầu đăng ký thay đổi nộp một (01) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký gồm:

1. Đơn yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung cầm cố tàu bay, thẻ chấp tàu bay đã đăng ký theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này *(01 bản chính)*;